

Số: 02 /2024/QĐST-VDS

Huyện TT, ngày 24 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ

Về việc yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT, THÀNH PHỐ H

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Trần Thị Thu H

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thanh T – Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, thành phố H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT tham gia phiên họp: Ông Nguyễn Đức T - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, thành phố H công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số 10/2024/TLST-VDS ngày 01/3/2024 về việc "Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự" theo Quyết định mở phiên họp số 09/2024/QĐST-VDS ngày 13 tháng 5 năm 2024 gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

Bà Phạm Thị K – sinh năm 1950 (*có mặt*)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Chị Trịnh Thị M - sinh năm 1971 (*vắng mặt*)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H.

2/ Anh Trịnh Văn Đ- sinh năm 1978 (*vắng mặt*)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H.

3/ Chị Trịnh Thị P, sinh năm 1982 (*có mặt*)

Nơi thường trú:

4/ Anh Trịnh Văn V, sinh năm 1990 (*vắng mặt*)

Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H.

Bà K, chị M, anh Đ, anh V do chị Trịnh Thị P đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số ngày)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Bà Phạm Thị K và ông Trịnh Văn Đ kết hôn năm 1969 và sinh được 08 người con chung là chị Trịnh Thị P1, sinh năm 1970; chị Trịnh Thị M, sinh năm 1971; chị Trịnh Thị N, sinh năm 1974; chị Trịnh Thị P2, sinh năm 1975 đã chết năm 2017; anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1978; chị Trịnh Thị P3, sinh năm 1982; anh Trịnh Văn V1, sinh năm 1984; anh Trịnh Văn V2, sinh năm 1990.

Chị Trịnh Thị P1 và chị Trịnh Thị N từ khi sinh ra đã không bình thường, khoảng 02 tuổi vẫn không biết nói, nhận biết cũng chậm hơn so với những đứa trẻ cùng trang lứa. Do gia đình khó khăn nên không đưa chị P1, chị N đi khám chữa bệnh ở đâu mà chỉ để ở nhà tự chăm sóc. Sau vài năm tình trạng bệnh của chị P1, chị N vẫn không thuyên giảm mà có phần nặng hơn, cả hai đều không nhận thức được vấn đề xã hội, chỉ ngồi lẩn thẩn nói linh tinh một mình. Tháng 8 năm 2023 gia đình bà K đưa chị N vào Bệnh viện tâm thần trung ương I nằm điều trị bệnh khoảng 01 tháng thì ra viện. Tháng 9 năm 2023, gia đình bà K đưa chị P1 vào Bệnh viện tâm thần trung ương I nằm điều trị bệnh đến tháng 10 năm 2023 thì ra viện. Tình trạng bệnh của chị P1, chị N sau khi ra viện vẫn không thay đổi gì. Sau thời gian nằm viện gia đình bà K cũng không cho chị P1, chị N uống thuốc gì và cũng không đưa đi khám chữa bệnh ở cơ sở y tế nào khác.

Về quá trình sinh hoạt hàng ngày, chị P1 cả ngày chỉ ngồi ở quanh quanh ở nhà nói lảm bảm linh tinh, chị N thì thường xuyên đi lang thang xin tiền, phải có người hàng ngày trông nom. Cả hai chị đều không có khả năng lao động, phải có người tắm rửa, chăm sóc sinh hoạt hàng ngày và nấu cơm rửa bát phục vụ. Hiện nay bà K là người trực tiếp chăm sóc chị P1 và chị N, cơm nước phục vụ tận nơi và nhắc ăn uống từng bữa. Từ năm 2023, chị P1 và chị N được hưởng chế độ người khuyết tật của nhà nước là 880.000 đồng/01 tháng. Do bệnh tật nên chị P1 và chị N không kết hôn và không có chồng con.

Ngày tháng năm 2024 bà Phạm Thị K có đơn yêu cầu tuyên bố chị Trịnh Thị P1, Trịnh Thị N bị mất năng lực hành vi dân sự.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Trịnh Thị M, anh Trịnh Văn Đ, chị Trịnh Thị P3, anh Trịnh Văn V1, anh Trịnh Văn V2 thống nhất với đơn yêu cầu tuyên bố chị P1, chị N mất năng lực hành vi dân sự của bà Phạm Thị K, đề nghị Tòa án

giải quyết theo quy định của pháp luật. Bà Phạm Thị K nhất trí làm người giám hộ cho chị P1, chị N khi có quyết định của Tòa án tuyên bố chị P1, chị N mất năng lực hành vi dân sự.

Ngày 20 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện TT đã ban hành Quyết định trưng cầu giám định về năng lực hành vi dân sự đối với chị Trịnh Thị P1 và chị Trịnh Thị N để xác định khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của chị P1, chị N.

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 118/KLGĐ ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Tại thời điểm giám định đối tượng Trịnh Thị P1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trưng cầu số 119/KLGĐ ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Tại thời điểm giám định đối tượng Trịnh Thị N bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.*

Tại phiên họp:

*Bà Phạm Thị K giữ nguyên yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên bố chị Trịnh Thị P1 và Trịnh Thị N mất năng lực hành vi dân sự và đồng ý làm người giám hộ cho chị P1, chị N.

*Chị P3 nhất trí đề nghị bà K là người giám hộ cho chị P1, chị N khi có quyết định của Tòa án tuyên bố chị P1, chị N mất năng lực hành vi dân sự.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT có quan điểm:

+Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết việc dân sự, thẩm phán, thư ký, người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện TT giải quyết vụ việc đúng thẩm quyền.

+Về nội dung: Đề nghị Tòa án căn cứ các Điều 22, 47, 48, 49, 53 - Bộ luật dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu của bà Phạm Thị K, tuyên bố chị Trịnh Thị P1 và Trịnh Thị N là người mất năng lực hành vi dân sự. Chỉ định bà Phạm Thị K (là mẹ đẻ của chị P1, chị N) là người giám hộ cho chị P1, chị N. Bà K có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các Điều 57, 58 - Bộ luật dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện Kiểm sát tại phiên họp; Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố H nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Yêu cầu tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự” và vụ việc dân sự này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TT, Thành phố H.

[2] Chị Trịnh Thị P1 và Trịnh Thị N là con gái thứ nhất và thứ hai của bà Phạm Thị K và ông Trịnh Văn Đ. Theo cung cấp của gia đình, đại diện chính quyền địa phương và hàng xóm thì chị P1 và chị N từ khi sinh ra có đã có biểu hiện phát triển không bình thường về tâm thần, hai tuổi không biết nói, không nhận thức được. Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trung cầu số 118/KLGD ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Tại thời điểm giám định đối tượng Trịnh Thị P1 bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.* Tại Kết luận giám định sức khỏe tâm thần theo trung cầu số 119/KLGD ngày 07/5/2024 của Viện pháp y tâm thần Trung ương kết luận: *Tại thời điểm giám định đối tượng Trịnh Thị N bị bệnh chậm phát triển tâm thần nặng. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992 bệnh có mã số F72. Đối tượng mất khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.* Do đó, căn cứ Điều 22- Bộ luật dân sự năm 2015, bà Phạm Thị K yêu cầu tuyên bố chị Trịnh Thị P1 và chị Trịnh Thị N là người mất năng lực hành vi dân sự là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về người giám hộ: Chị Trịnh Thị P1 và Trịnh Thị N không có chồng con. Ông Trịnh Văn Đường là bố đẻ chị P1, chị N đã chết, bà Phạm Thị K là mẹ đẻ của chị P1, chị N có đầy đủ điều kiện của cá nhân làm người giám hộ và nhất trí làm người giám hộ cho chị P1, chị N khi có quyết định tuyên bố chị P1, chị N mất năng lực hành vi dân sự. Do vậy, căn cứ khoản 3 Điều 53- Bộ luật dân sự năm 2015, bà K là người giám hộ đương nhiên cho chị Trịnh Thị P1 và Trịnh Thị N khi Tòa án tuyên bố chị P1, chị N là mất năng lực hành vi dân sự. Bà K có quyền và nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định tại các Điều 57, 58- Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Về lệ phí việc dân sự: Bà Phạm Thị K phải chịu lệ phí giải quyết yêu cầu về dân sự theo quy định tại Điều 149, 150 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Tuy nhiên

bà K là người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp lệ phí. Căn cứ khoản 2 Điều 12, Điều 14, Điều 16 - Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự đối với bà K

[5] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 371, 372 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 27; điểm a khoản 2 Điều 35; điểm a khoản 2 Điều 39; Điều 149; Điều 150; các Điều 371, 372, 376, 377, 378 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Các Điều 22, 47, 48, 49, 53, 57, 58- Bộ luật dân sự năm 2015.
- Điều 26- Luật thi hành án dân sự năm 2008.
- Khoản 2 Điều 12, Điều 14, Điều 16- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn yêu cầu của bà Phạm Thị K về việc tuyên bố một người mất năng lực hành vi dân sự.

2. Tuyên bố chị Trịnh Thị P1, sinh năm 1970; Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H là người mất năng lực hành vi dân sự.

3. Tuyên bố chị Trịnh Thị N, sinh năm 1974; Nơi thường trú: thôn Đồng Chanh, xã Minh Cường, huyện TT, Thành phố H là người mất năng lực hành vi dân sự.

4. Bà Phạm Thị K, sinh năm 1950; Nơi thường trú: thôn Đ, xã M, huyện TT, Thành phố H là người giám hộ cho chị Trịnh Thị P1 và chị Trịnh Thị N. Bà K có các quyền nghĩa vụ của người giám hộ theo quy định của pháp luật.

5. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Miễn nộp lệ phí giải quyết việc dân sự cho bà Phạm Thị K. Bà K không phải nộp lệ phí giải quyết việc dân sự.

6. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bà Phạm Thị K, chị Trịnh Thị M, anh Trịnh Văn Đ, chị Trịnh Thị P3, anh Trịnh Văn V1, anh Trịnh Văn V2 có quyền kháng cáo quyết định này trong hạn 10 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Viện kiểm sát nhân dân huyện TT có quyền kháng nghị quyết định trong hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có quyền kháng nghị trong hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

7. Về việc thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định của tòa án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện TT;
- VKSND thành phố H;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện TT;
- TAND thành phố H;
- Lưu HS việc dân sự.

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp

Trần Thị Thu H